ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI CÔNG BỐ ĐIỂM CHUẨN XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2025

Chi tiết điểm chuẩn trúng tuyển vào các chương trình đào tạo của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2025 như sau:

STT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp gốc	Điểm chuẩn THPT (thang 30)	Điểm chuẩn XTTN 1.2 (thang 100)	Điểm chuẩn XTTN 1.3 (thang 100)	Điểm chuẩn ĐGTD (thang 100)
1	IT-E10	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (CT tiên tiến)	A00	29,39	93,18	95,64	86,97
2	IT1	CNTT: Khoa học Máy tính		29,19	90,61	93,92	83,39
3	IT2	CNTT: Kỹ thuật Máy tính		28,83	84,64	89,62	79,86
4	IT-E15	An toàn không gian số - Cyber Security (CT Tiên tiến)		28,69	82,32	87,95	78,49
5	IT-E7	Công nghệ thông tin (Global ICT)		28,66	81,82	87,59	78,19
6	EE2	Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hoá		28,48	78,83	85,44	76,43
7	MS2	Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano		28,25	77,20	80,90	74,76
8	EE-E8	Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hoá (CT tiên tiến)		28,12	76,40	78,24	73,86
9	ET1	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông		28,07	76,09	77,22	73,51
10	IT-E6	Công nghệ thông tin (Việt - Nhật)		27,97	75,47	75,17	72,81
11	ME1	Kỹ thuật Cơ điện tử		27,90	75,04	73,74	72,32
12	ET-E9	Hệ thống nhúng thông minh và IoT (CT tiên tiến)		27,85	74,73	72,71	71,97
13	IT-EP	Công nghệ thông tin (Việt - Pháp)		27,83	74,61	72,30	71,83
14	MI1	Toán - Tin		27,80	74,42	71,69	71,62
15	MI2	Hệ thống thông tin quản lý		27,72	73,93	70,05	71,07
16	EE1	Kỹ thuật Điện		27,55	72,88	66,57	69,88
17	ET-E4	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tiên tiến)		27,55	72,88	66,57	69,88
18	EE-EP	Tin học công nghiệp và Tự động hóa (Chương trình Việt - Pháp PFIEV)		27,27	70,85	65,26	68,73
19	TE1	Kỹ thuật Ô tô		27,03	69,12	64,13	67,74
20	ME-E1	Kỹ thuật Cơ điện tử (CT tiên tiến)		26,74	67,02	62,78	66,54
21	ET-E16	Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện (CT tiên tiến)		26,62	66,15	62,21	66,05
22	ME2	Kỹ thuật Cơ khí		26,62	66,15	62,21	66,05
23	TE3	Kỹ thuật Hàng không		26,60	66,00	62,12	65,97
24	EE-E18	Hệ thống điện và năng lượng tái tạo (CT tiên tiến)		26,56	65,71	61,93	65,80
25	ET-LUH	Điện tử - Viễn thông - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức)		26,55	65,64	61,89	65,76
26	PH1	Vật lý kỹ thuật		26,41	64,63	61,23	65,19
27	ET2	Kỹ thuật Y sinh		26,32	63,98	60,81	64,82
28	TE2	Kỹ thuật Cơ khí động lực		26,25	63,47	60,48	64,53
29	ME-LUH	Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức)		26,19	63,04	60,20	64,28
30	TE-EP	Cơ khí hàng không (Chương trình Việt - Pháp PFIEV)		25,84	60,50	58,56	62,84
31	ME-NUT	Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Công nghệ Nagaoka (Nhật Bản)		25,68	59,34	57,81	62,18
32	ET-E5	Kỹ thuật Y sinh (CT tiên tiến)		25,58	58,62	57,34	61,77
33	HE1	Kỹ thuật Nhiệt		25,47	57,82	56,83	61,32
34	MS1	Kỹ thuật Vật liệu		25,39	57,24	56,45	60,99
35	PH3	Vật lý Y khoa		25,20	55,87	55,56	60,20
36	TE-E2	Kỹ thuật Ô tô (CT tiên tiến)		25,18	55,72	55,47	60,12
37	MS3	Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit		25,16	55,58	55,37	60,04
38	PH2	Kỹ thuật hạt nhân		25,07	55,00	55,00	59,68
39	ME-GU	Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với ĐH Griffith (Úc)		25,00	55,00	55,00	59,49
STT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp gốc	Điểm chuẩn THPT (thang 30)	Điểm chuẩn XTTN 1.2 (thang 100)	Điểm chuẩn XTTN 1.3 (thang 100)	Điểm chuẩn ĐGTD (thang 100)
40	MS5	Kỹ thuật in	A00	24,06	55,00	55,00	56,88
41	CH1	Kỹ thuật Hoá học		24,05	55,00	55,00	56,86
42	MS-E3	Khoa học và kỹ thuật vật liệu (CT tiên tiến)		23,70	55,00	55,00	55,89
43	BF2	Kỹ thuật Thực phẩm		23,38	55,00	55,00	55,05
44	CH2	Hoá học		23,19	55,00	55,00	54,66
45	BF1	Kỹ thuật Sinh học		23,02	55,00	55,00	54,30
46	TX1	Công nghệ Dệt - May		22,48	55,00	55,00	53,17
47	EV1	Kỹ thuật Môi trường		22,22	55,00	55,00	52,63
48	EV2	Quản lý Tài nguyên và Môi trường		21,53	55,00	55,00	51,19
49	CH-E11	Kỹ thuật Hóa dược (CT tiên tiến)		21,38	55,00	55,00	50,88
50	BF-E12	Kỹ thuật Thực phẩm (CT tiên tiến)		21,00	55,00	55,00	50,08
51	BF-E19	Kỹ thuật sinh học (CT tiên tiến)		20,00	55,00	55,00	47,99
52	FL3	Tiếng Trung KHKT và Công nghệ	D01	24,86	69,81	64,59	68,14
53	EM3	Quản trị kinh doanh		24,30	65,73	61,94	65,81
54	EM5	Tài chính - Ngân hàng		24,30	65,73	61,94	65,81
55	FL1	Tiếng Anh KHKT và Công nghệ		24,30	65,73	61,94	65,81
56	FL2	Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế		24,30	65,73	61,94	65,81
57	EM4	Kế toán		24,13	64,49	61,14	65,11
58	EM2	Quản lý công nghiệp		23,90	62,81	60,05	64,15
59	EM-E14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CT tiên tiến)		23,71	61,42	59,16	63,36
60	EM1	Quản lý năng lượng		23,70	61,35	59,11	63,32
61	ED2	Công nghệ giáo dục		23,30	58,43	57,22	61,66
62	ED3	Quản lý giáo dục		23,20	57,70	56,75	61,25
63	EM-E13	Phân tích kinh doanh (CT tiên tiến)		23,06	56,68	56,09	60,66
64	TROY-IT	Khoa học máy tính - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ)		21,30	55,00	55,00	54,07
65	TROY-BA	Quản trị kinh doanh - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ)		19,00	55,00	55,00	46,48

Độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển

Căn cứ theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phổ điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2025, Đại học Bách khoa Hà Nội đã công bố độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển theo phương thức sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT như sau:

	A00	A01	A02	B00	D07	D26	D28	D29	K01	D01	D04
A00		0	0	0	0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
A01	0		0	0	0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
A02	0	0		0	0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
B00	0	0	0		0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
D07	0	0	0	0		0	0	0	0	+0.5	+0.5
D26	0	0	0	0	0		0	0	0	+0.5	+0.5
D28	0	0	0	0	0	0		0	0	+0.5	+0.5
D29	0	0	0	0	0	0	0		0	+0.5	+0.5
K01	0	0	0	0	0	0	0	0		+0.5	+0.5
D01	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5		0
D04	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	0	

Theo đó, đối với các tổ hợp sử dụng để xét tuyển vào khối nhóm ngành kỹ thuật bao gồm A00, A01, A02, B00, D07, D26, D28, D29 và K01 sẽ không có độ lệch điểm. Các tổ hợp sử dụng để xét tuyển vào khối nhóm ngành kinh tế, giáo dục, ngoại ngữ bao gồm D01 và D04 cũng không có độ lệch điểm. Độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển vào khối nhóm ngành kỹ thuật (A00, A01, A02, B00, D07, D26, D28, D29 và K01) và các tổ hợp sử dụng để xét tuyển vào khối nhóm ngành kinh tế, giáo dục, ngoại ngữ (D01 và D04) là +0.5 điểm vào mức điểm chuẩn khi xét cùng vào một chương trình đào tạo đối với các tổ hợp A00, A01, A02, B00, D07, D26, D28, D29 và K01.

Ví dụ minh họa: Chương trình FL3-Tiếng Trung Khoa học và Công nghệ đang xét tuyển với 3 tổ hợp điểm tốt nghiệp THPT là K01, D01 và D04. Điểm trúng tuyển theo tổ hợp D01 đang là 24,86 điểm thì điểm trúng tuyển theo tổ hợp D04 vẫn là 24,86 điểm, còn điểm trúng tuyển theo tổ hợp K01 sẽ là 25,36 điểm.

Hoặc Chương trình EM3-Quản trị kinh doanh đang xét tuyển với 4 tổ hợp điểm tốt nghiệp THPT là K01, A00, A01 và D01. Điểm trúng tuyển theo tổ hợp D01 đang là 24,30 điểm thì điểm trúng tuyển theo các tổ hợp K01, A00 và A01 sẽ là 24,80 điểm.

Các bậc phụ huynh và thí sinh có thể tra cứu thêm về các mức quy đổi điểm chuẩn tương đương cho năm 2025 của Đại học Bách khoa Hà Nội tại đây:

https://tsbkhn.shinyapps.io/QuyDoi-2025BK

Điểm chuẩn được xác định dựa trên điểm xét (ĐX) như sau:

a) Điểm xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với tổ hợp môn không có môn chính, thang điểm 30:

ĐX = [(Môn 1+ Môn 2 + Môn 3)] + Điểm ưu tiên1

b) Điểm xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với tổ hợp môn có môn chính, thang điểm 30:

ĐX = [(Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Môn chính) x 3/4] + Điểm ưu tiên1

c) Điểm xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với tổ hợp K01, thang điểm 30:

ĐX = [(Toán x 3 + Ngữ Văn x 1 + Lý/Hóa/Sinh/Tin x 2) x 1/2] + Điểm ưu tiên1

d) Điểm xét tuyển theo kết quả Kỳ thi Đánh giá tư duy (ĐGTD) năm 2024 hoặc 2025, tổ hợp K00, thang điểm 100:

ĐX = Điểm thi ĐGTD2 + Điểm ưu tiên3 + Điểm thưởng4

e) Điểm xét tuyển theo phương thức XTTN diện 1.2 (Chứng chỉ quốc tế) và 1.3 (Hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn), thang điểm 100:

ĐX = Điểm XTTN + Điểm ưu tiên3

Điểm xét được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

Điểm ưu tiên đối tượng, ưu tiên khu vực theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non).

(2) Điểm thi ĐGTD là điểm cao nhất trong các lần thi ĐGTD năm 2024 và 2025.

(3) Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực quy về thang điểm 100.

(4) Điểm thưởng đối với thí sinh có chứng chỉ IELTS (academic) hoặc tương đương, theo Quy chế tuyển sinh đại học của ĐHBK Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 5919/QĐ-ĐHBK ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội.

Quy chế tuyển sinh đại học của ĐHBK Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 5919/QĐ-ĐHBK ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội.